

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 90/2022/HSST

Ngày 15/09/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đức Lâm- Cán bộ nghỉ hưu

2. Ông Lê Thanh Miện- Giao Viên- Hiệu Trưởng trường THCS Thái Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp – Thư ký
Tòa án nhân dân Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông
Ngô Đức Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Hiệp Hòa,
tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2022/TLST-
HS ngày 26 tháng 8 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức D; Tên gọi khác: không;

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/10/2007;

Nơi cư trú: thôn Việt Hùng, xã V-NG, Huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12;

Con ông: Nguyễn Đức Trường, sinh năm 1982;

Con bà: Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1986;

Vợ, con: Chưa có.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

Do bà Bùi Thị Hương – Sinh năm 1963.

Nơi cư trú: thôn Việt Hùng, xã V-NG, Huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Là; Người đại diện và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo

2. Họ và tên: La Quang H; Tên gọi khác: không;

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/10/2006;

Nơi cư trú: thôn Ngọc Tân, xã NG-S, Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông: La Văn Quang, sinh năm 1978;

Con bà: Nguyễn Thị Phiên, sinh năm 1983;

Vợ, con: Chưa có.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú được tại ngoại; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Do ông La Văn Quang- Sinh năm 1978

Nơi cư trú: thôn Ngọc Tân, xã NG-S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Là; Người đại diện và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo

3. Họ và tên: Nguyễn Thị M; Tên gọi khác: không;

Giới tính: Nữ; Sinh năm: 2003;

Nơi cư trú: thôn Mai Hạ, xã M -Đ, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông: Nguyễn Duy Hoài, sinh năm 1981;

Con bà: Trịnh Thị Đông, sinh năm 1978;

Chồng, con: Chưa có.

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

*** Bị hại:**

-Anh Văn Hữu T- Sinh ngày 20/9/2009- Do ông Văn Hữu Then- Sinh năm 1984 (Là bố đẻ là người đại diện và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp) (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú đều ở: Thôn Hiệp Đồng, xã Thường T, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trịnh Thị Đông- Sinh năm 1978 (Có mặt).

Nơi cư trú đều : Thôn Mai Hạ, xã M -Đ, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02 năm 2022, La Quang H, sinh ngày 26/10/2006 ở thôn Ngọc Tân, xã NG-S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/10/2007 ở thôn Việt Hùng, xã V-NG, Hện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang thuê phòng trọ ở cùng nhau tại thôn Mai Hạ, xã M -Đ, Hện Hiệp Hòa. Qua mối quan hệ xã hội, H biết anh Văn Hữu T, sinh ngày 20/9/2009 ở thôn Hiệp Đồng, xã Thường T, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang có chiếc điện thoại Iphone 7 plus nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt để sử dụng. Tối ngày 25/02/2022, tại phòng trọ, H rủ D đi cùng chiếm đoạt điện thoại của anh T thì D đồng ý. Khi H và D bàn bạc với nhau về việc sẽ chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T thì lúc đó Nguyễn Thị M, sinh năm 2003 ở thôn Mai Hạ, xã M -Đ, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (M là bạn gái của H) cũng đang ở trong phòng trọ cùng H, D và biết nội dung sự việc H và D bàn với nhau. Đến sáng ngày 26/02/2022, M biết H và D chuẩn bị đi gặp anh T nhưng không có phương tiện nên M nói với H và D là sẽ cho mượn xe mô tô; H, D, M thống nhất ăn cơm trưa xong cùng đến nhà T, sau đó M về nhà. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ

đen, biển kiểm soát 98D1- 52279 từ nhà đến phòng trọ của H, D. Trước khi đi H bảo D mang theo 01 con dao nhọn. Sau đó, H lái xe mô tô chở M ngồi giữa và D ngồi sau cùng đến khu vực cổng nhà anh T thì dừng lại. H gọi anh T thì một lúc sau thấy anh T đi bộ từ trong nhà ra. Lúc này, H ngồi trên xe mô tô và đang nổ máy, M đứng cạnh xe quan sát, D đi bộ về phía anh T và giả vờ hỏi anh T có phải là người nhắn tin chửi D trên mạng xã hội Facebook hay không và yêu cầu anh T mở tin nhắn trong điện thoại để kiểm tra. Thấy D nói vậy, anh T cầm chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu hồng của mình trên tay và mở nội dung tin nhắn cho D xem. Lợi dụng lúc anh T không để ý, D nhanh chóng giật chiếc điện thoại anh T đang cầm trên tay và chạy về phía H, M. Thấy D đã giật được điện thoại của anh T, M nhanh chóng ngồi lên xe mô tô mà H đang nổ máy, D ngồi sau cùng và cùng nhau tẩu thoát. Bị giật mất điện thoại, anh T đuổi theo xe mô tô chở H, M, D được khoảng 100m thì không đuổi kịp. Trong khi bỏ chạy, D cài con dao nhọn trong người và bị rơi xuống đường.

Sau khi chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T, do sợ bị xử lý trước pháp luật nên tối ngày 26/02/2022; La Quang H và Nguyễn Đức D mang chiếc điện thoại đến nhà trả cho anh Văn Hữu T. Ngày 27/02/2022, anh T có đơn trình báo Công an xã Thường T, Hện Hiệp Hòa; đồng thời giao nộp chiếc điện thoại đã bị chiếm đoạt và con dao nhọn do D làm rơi khi anh T đuổi theo. Cùng ngày 27/02/2022, H và D đã đến Công an Hện Hiệp Hòa đầu thú; M đến Công an Hện Hiệp Hòa giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1- 52279. Khi đến đầu thú, H giao nộp và 01 (một) đôi dép lê, 01 (một) quần bò, 01 áo khoác là trang phục H sử dụng khi cùng M, D chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T (bút lục 79-80; 187).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL- HĐĐG ngày 28/3/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Hện Hiệp Hòa, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng có giá 1.500.000 đồng; 01 (một) chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo trong suốt có giá 10.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản: 1.510.000 đồng (một triệu năm trăm mười nghìn đồng) (bút lục 32-33).

Tại Bản cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 26 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố đối với Nguyễn Đức D, La Quang H, Nguyễn Thị M về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đức D, La Quang H, Nguyễn Thị M thừa nhận toàn bộ nội dung và diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Hện Hiệp Hòa đã truy tố.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Hiệp Hòa giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm về tội danh và điều khoản mà cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D, La Quang H, Nguyễn Thị M phạm tội Cướp giật tài sản.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 12; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 58; Điều 65; Điều 12; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo La Quang H từ 01 năm 04 tháng, đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã NG-S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

-Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo M cho UBND xã M -Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhọn; 01 (một) đôi dép lê, 01 (một) quần bò, 01 áo khoác của La Quang H.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 12, 23 NQ 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH,

Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Đức D; do bị cáo dưới 16 tuổi; Bị cáo Nguyễn Thị M chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Người đại diện; và là người bào chữa cho bị cáo D; Bị cáo H: Không có ý kiến gì tranh luận

Bị cáo: D; H; M nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Hện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân Hện Hiệp Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại; người đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Văn Hữu Then có đơn xin vắng mặt khi xét xử, tuy nhiên đã có

đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3]: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức D, La Quang H, Nguyễn Thị M có mặt tại phiên tòa cũng đã hoàn toàn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với hành vi phạm tội, lời khai của bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 26/02/2022, tại thôn Hiệp Đồng, xã Thường T, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Đức D đã có hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus màu hồng kèm 01 ốp lưng điện thoại của anh Văn Hữu T, sinh ngày 20/9/2009 ở thôn Hiệp Đồng, xã Thường T, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. La Quang H và Nguyễn Thị M có hành vi giúp sức, đồng phạm với D chiếm đoạt tài sản của anh T. Trị giá các tài sản bị chiếm đoạt là 1.510.000 đồng (một triệu năm trăm mười nghìn đồng).

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nên các bị cáo đã cố ý phạm tội.

[5] Xét về nhân thân và vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công, thống nhất về việc thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo D là người có vai trò chính, trực tiếp việc thực hiện hành vi phạm tội, La Quang H và Nguyễn Thị M có hành vi giúp sức, đồng phạm với D chiếm đoạt tài sản. Do vậy cần xem xét về vai trò của các bị cáo để xem xét đến hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[6]. Xét về nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của các bị cáo thì thấy:

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, xét các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản sau khi phạm tội các bị cáo đã mang trả lại cho người bị hại); Bị cáo M không trực tiếp đem trả tài sản cho bị hại, nhưng chính bị cáo đã tác động để D; H đem trả tài sản cho bị hại và được người bị hại người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và nhận thức có hạn chế do là người chưa thành niên (các bị cáo D; H khi phạm tội đủ 14 tuổi nhưng dưới 16 tuổi). bị cáo sau sự việc xảy ra, đã đến cơ quan công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,s khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng đối với bị cáo H có ông nội tham gia kháng chiến, đã được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bản thân bị cáo hiện nay đang đi học tại trường dạy nghề Bắc Giang.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Từ những nhận định trên đây, HĐXX nhận thấy: Đối với bị cáo D là người có vai trò chính trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, qua xác M tại địa phương, bị cáo là người ham chơi, lêu lổng, sau khi phạm tội bị cáo thường xuyên không có mặt tại địa phương, giao du với các phần tử xấu, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, hay có hành vi trộm cắp, đã từng bị công an xã Ngọc Vân nhắc nhở cảnh cáo về hành vi trộm cắp, Chính quyền địa phương và gia đình đều đề nghị cho bị cáo đi cải tạo để giáo dục, nên cần thiết phải cách ly bị cáo D ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và biết tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên, khi phạm tội đủ 14 tuổi, chưa đủ 16 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

Đối với bị cáo H HĐXX nhận thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cụ thể được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, khi phạm tội đủ 14 tuổi, chưa đủ 16 tuổi nhận thức pháp luật còn hạn chế, bản thân bị cáo đang đi học, gia đình có công với cách mạng, nên chỉ cần cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo thành người có ích cho xã hội thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của pháp luật phù hợp hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo M HĐXX nhận thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cụ thể được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án, nên chỉ cần cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo thành người có ích cho xã hội thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của pháp luật phù hợp hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại; Đại diện cho bị hại không yêu cầu bồi thường, đồng thời có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự nên HĐXX không xem xét về trách nhiệm dân sự thiệt hại .

[9]. Về vật chứng: Đối với 01 Iphone 7 plus màu hồng kèm theo 01 ốp lưng của điện thoại. Ngày 01/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Hiệp Hòa ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Văn Hữu T là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1- 52279, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Trịnh Thị Đông, sinh năm 1978 ở thôn Mai Hạ, xã M -Đ, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (là mẹ Nguyễn Thị M). Bà Đông không biết M sử dụng xe mô tô của mình để gây án. Ngày 22/6/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đông chiếc xe mô tô này là có căn cứ.

Đối với 01 con dao nhọn là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) đôi dép lê, 01 (một) quần bò, 01 áo khoác của La Quang H, tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu xin lại, do đã cũ nên cần tịch thu tiêu hủy
[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D; La Quang H không chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, *điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự*; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 12; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự

1.1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 19 (Mười chín) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ bắt bị cáo D để thi hành án.

2. Điều luật áp dụng: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 58; Điều 65; Điều 12; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

2.1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo La Quang H 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Điều luật áp dụng: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

3.1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho UBND xã M -Đ, Hện Hiệp Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo La Quang H cho UBND xã NG-S, Hện Hiệp Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92- Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

*Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhọn; 01 (một) đôi dép lê, 01 (một) quần bò, 01 áo khoác của La Quang H.

(Có đặc điểm như biên bản bàn giao nhận vật chứng)

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 12, 23 NQ 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH,

Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Đức D; La Quang H; Bị cáo Nguyễn Thị M chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6./Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho các bị cáo, Người đại diện và người bảo vệ quyền lợi ích cho các bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị hại, Người đại diện và người bảo vệ quyền lợi ích cho bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- CQĐT, CQTHAHS CA huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã V-NG, Hện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã xã NG-S, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã M-Đ, h. Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần